

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH - THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



Số: 16.220/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2016 từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.430.374.397	27.630.171.840
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	1.813.990.902	467.859.058
1. Tiền	111		1.813.990.902	467.859.058
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.306.375.412	12.406.369.005
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	10.575.907.694	12.343.758.673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.480.987	10.104.297
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.3)	12.100.000	200.965.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(292.113.269)	(148.458.965)
III. Hàng tồn kho	140	(5.5)	15.208.392.805	14.677.559.641
1. Hàng tồn kho	141		15.360.849.670	14.804.496.821
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(152.456.865)	(126.937.180)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		101.615.278	78.384.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		101.615.278	78.384.136
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.394.677.789	9.082.380.625
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.280.000	
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.3)	26.280.000	
II. Tài sản cố định	220		7.652.434.249	8.265.149.190
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	6.067.434.249	6.665.149.190
+ Nguyên giá	222		10.933.132.897	10.886.932.897
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.865.698.648)	(4.221.783.707)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	1.585.000.000	1.600.000.000
+ Nguyên giá	228		1.660.000.000	1.660.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.000.000)	(60.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		54.552.496	20.188.860
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		54.552.496	20.188.860
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	503.370.000	527.370.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		610.370.000	610.370.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(107.000.000)	(83.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		158.041.044	269.672.575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		158.041.044	269.672.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		35.825.052.186	36.712.552.465

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.320.871.128	17.439.431.407
I. Nợ ngắn hạn	310		15.320.871.128	17.439.431.407
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.9)	3.949.612.471	6.090.127.907
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.142.135	39.624.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.10)	1.015.475.619	758.251.079
4. Phải trả người lao động	314	(5.11)	1.192.898.224	2.228.643.486
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.12)	1.393.815.446	1.517.214.518
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.13)	47.560.628	565.923.763
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.14)	7.591.192.418	5.839.835.648
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.15)	121.174.187	399.810.707
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.504.181.058	19.273.121.058
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	20.504.181.058	19.273.121.058
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	12.310.600.000	12.310.600.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.060.000	1.231.060.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.410.121.058	5.179.061.058
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.948.001.058	2.092.649.372
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.462.120.000	3.086.411.686
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		35.825.052.186	36.712.552.465

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THÙY LINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÂM NHẬT MINH

Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2016

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

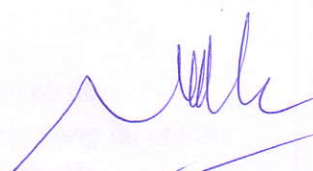
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		109.051.166.874	105.393.424.510
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.317.424.675	4.872.959.720
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	101.733.742.199	100.520.464.790
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	78.441.732.713	76.896.497.167
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.292.009.486	23.623.967.623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	84.151.914	60.105.035
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	657.655.183	434.584.318
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		633.655.183	370.584.318
8. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	16.164.152.140	15.896.749.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	3.684.599.851	4.037.634.070
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.869.754.226	3.315.105.090
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	316.720.223	367.707.728
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		316.720.223	367.707.728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.186.474.449	3.682.812.818
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	497.723.769	596.401.132
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.688.750.680	3.086.411.686
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70		2.141	2.143
19. Lãi suy giảm trên cổ phần	71		2.141	2.143

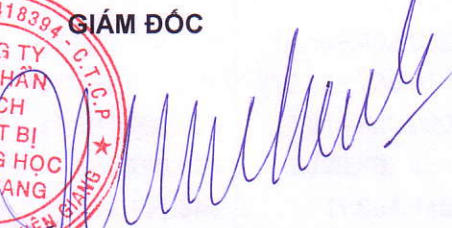
Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÙY LINH

LÂM NHẬT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

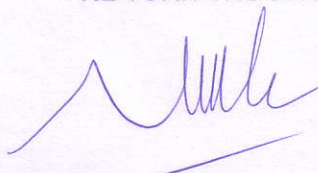
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.186.474.449	3.682.812.818
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		658.914.941	662.254.380
Các khoản dự phòng	03		193.173.989	60.760.240
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(46.849.995)	(59.917.543)
Chi phí lãi vay	06		633.655.183	370.584.318
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.625.368.567	4.716.494.213
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.930.059.289	(7.250.889.330)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(556.352.849)	(842.594.646)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.560.443.918)	2.486.954.861
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		88.400.389	229.802.523
Tiền lãi vay đã trả	14		(631.996.549)	(361.325.797)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(530.219.014)	(738.572.056)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			78.190.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(505.267.200)	(705.839.284)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		859.548.715	(2.387.779.516)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(80.563.636)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			2.850.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46.849.995	57.067.543
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(33.713.641)	59.917.543
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		23.589.034.048	14.569.462.886
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.837.677.278)	(10.026.735.058)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.231.060.000)	(2.215.920.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		520.296.770	2.326.807.828
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.346.131.844	(1.054.145)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		467.859.058	468.913.203
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.813.990.902	467.859.058

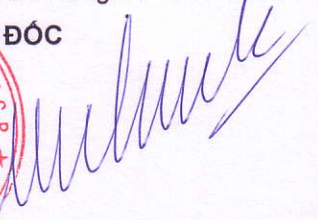
Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÙY LINH

LÂM NHẬT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 đồng, được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
Nhà nước	2.462.000.000	20%	2.462.000.000	20%	
Công nhân viên	6.526.160.000	53%	6.526.160.000	53%	
Đối tượng khác	3.322.440.000	27%	3.322.440.000	27%	
Tổng cộng	<u>12.310.600.000</u>	<u>100%</u>	<u>12.310.600.000</u>	<u>100%</u>	

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại lô E16, Số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ 2: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

- Xưởng mộc Rạch Sỏi: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 28 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876 ngày 09 tháng 07 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 116 người (31/12/2014: 123 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (1629);
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (1702);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa (17090);
- In ấn (18110);
- Dịch vụ liên quan đến in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (46594);

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210);
- Bán lẻ thực phẩm (4722);
- Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200);
- Lập trình máy vi tính (62011);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191);
- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.20.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của giá bìa (hoặc giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bìa (giá bán).

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối năm tài chính xác định được lượng hàng hóa kém, mất chất lượng, chậm luân chuyển hoặc do Nhà nước quy định thay sách giáo khoa, Công ty trích lập dự phòng giảm giá trị vào chi phí.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
▪ Phần mềm quản lý nhà sách	3 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô E16-57 Đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

4.8. Lương

Theo biên bản thẩm định đơn giá tiền lương năm 2015, quỹ lương năm 2015 được duyệt là 74,61% trên tổng thu nhập chưa tính lương, không bao gồm quỹ lương Ban Giám Đốc.

Tiền lương sản xuất phụ được hạch toán thẳng vào chi phí và giá thành sản phẩm không tính trong đơn giá tiền lương được duyệt.

4.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này đã được tất toán trong năm 2012.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

4.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.18. Lãi trên cổ phần và lãi suy giảm trên cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phần và lãi suy giảm trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phần phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phần được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo khoản 3, Điều 19, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế TNDN, công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản phẩm.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Sách tham khảo (không phải sách giáo khoa) 5%
- Hóa mỹ phẩm và thiết bị điện tử như máy tính Casio 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.20. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Tài sản ngắn hạn khác	-	200.965.000
Phải thu ngắn hạn khác	200.965.000	-

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	Năm trước (Được báo cáo lại)	VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phần và lấy suy giảm trên cổ phần	2.143	2.507

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	67.073.830	88.625.124
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.746.917.072	379.233.934
Cộng	<u>1.813.990.902</u>	<u>467.859.058</u>

5.2. Phải thu của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Ban quản lí các dự án đầu tư phát triển huyện Phú Quốc	792.683.518	1.121.244.922
BQL Dự án ĐT XD Trực Thuộc Sở Giáo Dục và Đào Tạo Kiên Giang	1.726.975.120	4.319.167.237
Sở Giáo Dục & Đào Tạo Kiên Giang	729.900.000	-
Phòng Giáo Dục & Đào Tạo Gò Quao	753.243.916	499.268.616
Ban Quản Lý Các Dự án ĐT-XD Giồng Riềng	724.592.697	108.781.300
Phải thu các khách hàng khác	5.848.512.443	6.295.296.598
Cộng	<u>10.575.907.694</u>	<u>12.343.758.673</u>

5.3. Phải thu khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Ký cược, ký quỹ	12.100.000	-	150.965.000	-
Tạm ứng	-	-	50.000.000	-
Cộng	<u>12.100.000</u>	<u>-</u>	<u>200.965.000</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	26.280.000	-	-	-
Cộng	<u>26.280.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

5.4. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	627.306.644	335.193.375	148.458.965	-
Cộng	<u>627.306.644</u>	<u>335.193.375</u>	<u>148.458.965</u>	<u>-</u>

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND						
	Cuối năm			Đầu năm			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	189.049.679	132.334.775	Trên 3 năm	-	-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An	289.798.000	202.858.600	Trên 3 năm	-	-	-	
Các khách hàng khác	148.458.965	-	Trên 3 năm	148.458.965	-	Trên 3 năm	
Cộng	<u>627.306.644</u>	<u>335.193.375</u>		<u>148.458.965</u>	<u>-</u>		

5.5. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	755.781.313	-	874.111.728	-
Thành phẩm	179.866.000	-	241.109.000	-
Hàng hóa	14.425.202.357	(152.456.865)	13.689.276.093	(126.937.180)
Cộng	<u>15.360.849.670</u>	<u>(152.456.865)</u>	<u>14.804.496.821</u>	<u>(126.937.180)</u>

(Phần tiếp theo trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lí	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	9.066.493.801	308.253.283	1.059.641.926	452.543.887	10.886.932.897
Mua trong năm	-	-	-	46.200.000	46.200.000
Số dư cuối năm	9.066.493.801	308.253.283	1.059.641.926	498.743.887	10.933.132.897
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	2.870.973.155	308.253.283	633.669.366	408.887.903	4.221.783.707
Khấu hao trong năm	475.211.676	-	138.153.252	30.550.013	643.914.941
Số dư cuối năm	3.346.184.831	308.253.283	771.822.618	439.437.916	4.865.698.648
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	6.195.520.646	-	425.972.560	43.655.984	6.665.149.190
Tại ngày cuối năm	5.720.308.970	-	287.819.308	59.305.971	6.067.434.249

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay là 5.720.308.970 đồng - Xem thêm mục 5.14

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.967.654.092 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
Số dư cuối năm	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	-	60.000.000	60.000.000
Khấu hao trong năm	-	15.000.000	15.000.000
Số dư cuối năm	-	75.000.000	75.000.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	1.540.000.000	60.000.000	1.600.000.000
Tại ngày cuối năm	1.540.000.000	45.000.000	1.585.000.000

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

5.8. Các khoản đầu tư tài chính

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	523.000.000	107.000.000	416.000.000	523.000.000	83.000.000	440.000.000
Công ty Cổ phần Đức Trí	87.370.000	-	87.370.000	87.370.000	-	87.370.000
Cộng	610.370.000	107.000.000	503.370.000	610.370.000	83.000.000	527.370.000

5.9. Phải trả người bán

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
DNTN Ngọc Khôi	522.390.000	522.390.000	442.123.000	442.123.000
Công ty TNHH Thiết Bị Trường Học Tân Văn	359.100.000	359.100.000	390.995.909	390.995.909
Phải trả cho các đối tượng khác	3.068.122.471	3.068.122.471	5.257.008.998	5.257.008.998
Cộng	3.949.612.471	3.949.612.471	6.090.127.907	6.090.127.907

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
	Phải nộp:			
Thuế giá trị gia tăng	563.891.626	1.514.282.962	1.225.283.177	852.891.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp	136.278.453	497.723.769	530.219.014	103.783.208
Thuế thu nhập cá nhân	58.081.000	116.286.789	115.566.789	58.801.000
Cộng	758.251.079	2.128.293.520	1.871.068.980	1.015.475.619

5.11. Phải trả người lao động

Là quỹ lương 2015 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

5.12. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Chi phí chiết khấu bán hàng	1.389.928.669	1.441.919.220
Chi phí thưởng bán hàng	3.886.777	3.886.777
Chi phí phải trả khác	-	71.408.521
Cộng	<u>1.393.815.446</u>	<u>1.517.214.518</u>

5.13. Phải trả khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn, BHYT, BHXH, BHTN	33.420.175	299.920.810
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	246.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.140.453	19.802.953
Cộng	<u>47.560.628</u>	<u>565.923.763</u>

5.14. Vay và nợ thuê tài chính

Là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được thế chấp bằng tài sản cố định của Công ty và chịu lãi suất 8%/năm - Xem thêm mục 5.6 và 5.7.

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	399.810.707	277.803.305
Trích trong năm	52.630.680	447.747.686
Chi trong năm	(331.267.200)	(325.740.284)
Số dư cuối năm	<u>121.174.187</u>	<u>399.810.707</u>

(Phần tiếp theo trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

5.16. Vốn chủ sở hữu**5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	5.179.061.058	19.273.121.058
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.086.411.686	3.086.411.686
Chia cổ tức	-	-	-	(2.462.120.000)	(2.462.120.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(447.747.686)	(447.747.686)
Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(176.544.000)	(176.544.000)
Số dư đầu năm nay	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	5.179.061.058	19.273.121.058
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.688.750.680	2.688.750.680
Chia cổ tức	-	-	-	(1.231.060.000)	(1.231.060.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(52.630.680)	(52.630.680)
Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(174.000.000)	(174.000.000)
Số dư cuối năm nay	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	6.410.121.058	20.504.181.058

5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nhà nước	2.462.000.000	2.462.000.000
Công nhân viên	6.526.160.000	6.526.160.000
Đối tượng khác	3.322.440.000	3.322.440.000
Cộng	12.310.600.000	12.310.600.000

5.16.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.231.060	1.231.060

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

5.17. Lãi cơ bản trên cổ phần và lấy suy giảm trên cổ phần

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	2.688.750.680	3.086.411.686
Trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(52.630.680)	(447.747.686)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.231.060	1.231.060
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phần (DEPS)	<u>2.141</u>	<u>2.143</u>

(Phần tiếp theo trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	108.001.633.154	102.865.710.232
Doanh thu nội bộ	1.049.533.720	2.527.714.278
Hàng bán bị trả lại	(7.317.424.675)	(4.872.959.720)
Doanh thu thuần	<u>101.733.742.199</u>	<u>100.520.464.790</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm nhập kho	1.587.033.868	2.070.515.825
Giá vốn của hàng hóa	76.854.698.845	74.825.981.342
Cộng	<u>78.441.732.713</u>	<u>76.896.497.167</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	6.849.995	9.067.543
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.000.000	48.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	37.301.919	3.037.492
Cộng	<u>84.151.914</u>	<u>60.105.035</u>

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	633.655.183	370.584.318
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	24.000.000	64.000.000
Cộng	<u>657.655.183</u>	<u>434.584.318</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.264.615.859	9.957.544.514
Chi phí vật liệu, bao bì	269.550.120	295.320.600
Chi phí công cụ dụng cụ	284.568.032	430.224.912
Chi phí khấu hao tài sản cố định	332.891.669	336.231.108
Thuế, phí và lệ phí	222.333.212	347.925.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.699.298.748	4.455.038.362
<i>Chi phí chiết khấu, thường bán hàng</i>	2.591.219.585	2.383.595.211
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	840.132.500	729.672.758
<i>Chi phí vận chuyển bốc vác</i>	1.048.847.678	906.080.126
<i>Chi phí hàng biếu tặng</i>	810.540.300	47.179.500
<i>Chi phí khác</i>	408.558.685	388.510.767
Chi phí bằng tiền khác	90.894.500	74.463.891
Cộng	16.164.152.140	15.896.749.180

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.205.104.369	2.595.337.001
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.447.973	176.402.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.454.712	313.454.712
Thuế, phí, lệ phí	19.215.545	33.473.272
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	143.654.304	(36.478.937)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.131.609	349.405.591
Chi phí bằng tiền khác	677.591.339	606.040.307
<i>Chi phí công tác</i>	131.112.545	145.052.320
<i>Chi phí tiếp khách</i>	203.540.395	194.523.460
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	250.610.266	169.402.931
<i>Chi phí khác</i>	92.328.133	97.061.596
Cộng	3.684.599.851	4.037.634.070

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.320.000	2.850.000
Hoàn nhập quỹ lương của Chủ tịch HĐQT và Ban GD	187.420.128	254.092.367
Thu nhập khác	122.980.095	110.765.361
Cộng	316.720.223	367.707.728

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu vật liệu	844.304.736	1.383.873.595
Chi phí nhân công	12.066.380.497	13.269.486.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	658.914.941	662.254.380
Chi phí dự phòng	143.654.304	(36.478.937)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.457.150.721	2.509.893.371
Chi phí bằng tiền khác	4.246.329.934	4.362.224.507
Cộng	<u>21.416.735.133</u>	<u>22.151.252.931</u>

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.186.474.449	3.682.812.818
Cổ tức không chịu thuế	(40.000.000)	(48.000.000)
Tổng thu nhập tính thuế	<u>3.146.474.449</u>	<u>3.634.812.818</u>
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động ưu đãi</i>	<i>1.620.838.418</i>	<i>1.693.814.063</i>
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động thông thường</i>	<i>1.525.636.031</i>	<i>1.940.998.755</i>
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	22%	22%
Cộng	<u>497.723.769</u>	<u>596.401.132</u>

(Phần tiếp theo trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Giám đốc được chi tiết như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	100.800.000	266.400.000
Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị	353.292.740	347.099.488
Lương Giám đốc	339.607.132	332.582.907
Tổng Cộng	793.699.872	946.082.395

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 04 tháng 03 năm 2016.

Kiên Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÙY LINH

LÂM NHẬT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG